TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **126**/2019/HS-ST
Ngày 20 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hợi.

2. Ông Vũ Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2019/TLST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN N** (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1965;

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1933; Vợ là: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1970; Có 03 con; con lớn sinh năm 1989; con nhỏ sinh năm 1994; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; Tiền án, Tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

2. Họ và tên: **ÂU VĂN D** (Tên gọi khác: không), sinh năm: 1979

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Âu Văn T (đã chết); Con bà: Hoàng Thị T, sinh năm: 1936; Vợ: Trần Thị H, sinh năm: 1980; Có hai con: Con lớn sinh năm 2000; Con nhỏ sinh năm 2002; Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 8 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

3. Họ và tên: **NGUYỄN PHI A** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1978.

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Phi T (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; Vợ là: Phạm Thị X; sinh năm: 1979; Có ba con; con lớn sinh năm 2004; con nhỏ sinh năm 2017; Gia đình có ba anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

4. Họ và tên: **LIỂU VĂN P** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1987

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Liểu Văn T, sinh năm 1966; Con bà: Lý Thị T, sinh năm: 1964; Vợ là: Vũ Thị Q; Sinh năm 1992; Có ba con; con lớn sinh năm 2010; con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có ba anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

5. Họ và tên: **PHẠM VĂN B** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1968

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn K (đã chết); Con bà: Đàm Thị V (đã chết); Vợ là: Phạm Thị L, sinh năm: 1970; Có 02 con; con lớn sinh năm 1991; con nhỏ sinh năm 1996; Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

6. Họ và tên: **ÂU VĂN T** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1971

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Âu Văn C (đã chết; Con bà: Lý Thị H (Tên gọi khác là H1), sinh năm: 1934.;Vợ là: Đàm Thị H, sinh năm: 1969; Có 02 con; con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1995; Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2019 đến ngày 02/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

7. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN V** (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1983.

Nơi thường trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945; Con bà: Dương Thị T, sinh năm: 1947; Vợ: Dương Thị H, sinh năm: 1983; Có ba con, con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2011; Gia đình có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ tám trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Phi E, sinh năm 1994

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Liểu Văn G, sinh năm 1987

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

3. Ông Liểu Văn F, sinh năm 1966

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

4. Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1982

Nơi thường trú: Tổ 07, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Liểu Thị Thanh H, sinh năm 1977

Nơi thường trú: Xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 27/5/2019, tại nhà chị Liểu Thị Thanh H, sinh năm 1977, trú tại xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện, bắt quả tang đối với: Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; Nguyễn Phi A, sinh năm 1978; Phạm Văn B, sinh năm 1968 đều có HKTT tại: xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Âu Văn D, sinh năm 1979; Âu Văn T, sinh năm 1971; Liểu Văn P, sinh năm 1987 đều có HKTT tại: xóm S, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Phạm Văn C, sinh năm 1991, HKTT tại: xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Trong khi những người trên đánh bạc thì Phạm Văn C có đến xem nhưng không tham gia đánh bạc. Ngoài những người bị bắt quả tang nêu trên, còn có Nguyễn Văn V, sinh năm 1983, HKTT tại: xóm C, xã T, huyện P cùng tham gia đánh bạc nhưng đã nhanh chân chạy thoát. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng niêm phong theo quy định đưa các đối tượng về trụ sở Công an để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng bị bắt đã khai nhận như sau: Khoảng 8 giờ ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Liểu Văn P đến nhà chị Liểu Thị Thanh H để giúp chị H sửa lại nhà. Đến buổi trưa cùng ngày, D, N và P ăn cơm tại nhà chị H. Sau khi ăn cơm xong, chị H dắt trâu ra đồng thả còn D, N, P ngồi lên bàn uống nước. Tại đây, N nảy sinh ý định đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền nên đã rủ P và D đánh bạc thì được P và D đồng ý. Sau đó, N đi xuống dưới bếp nhà chị H chuẩn bị bốn quân vị, lấy một bát sứ, một đĩa sứ rồi mang lên nhà để ở trên chiếu đã được trải từ khi ăn cơm trưa rồi cả ba cùng ngồi xuống chiếu đánh bạc. D là người xóc cái. Đánh được một lúc thì lần lượt có Phạm Văn B, Nguyễn Phi A, Âu Văn T và Nguyễn Văn V đến và cùng ngồi tham gia đánh bạc. Khi tất cả đang ngồi sát phạt nhau đến khoảng gần 17 giờ cùng ngày thì bị Công an phát hiện, V nhanh chân chạy thoát, những người còn lại bị Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.420.000 đồng cùng nhiều vật chứng khác có liên quan.

Quá trình điều tra xác định: Phạm Văn C có mặt tại nơi đánh bạc nhưng không tham gia đánh bạc. Ngày 26/5/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã ra quyết định trả tự do cho Phạm Văn C và trả lại toàn bộ tài sản đã thu giữ.

Ngày 28/5/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã triệu tập Nguyễn Văn V đến trụ sở Công an để làm việc. Tại đây, V đã thành khẩn khai nhận rõ về hành vi đánh bạc của mình. Lời khai nhận tội của V phù hợp với lời khai của các bị can khác trong cùng vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được.

Khi đến chỗ đánh bạc, Âu Văn D mang theo 27.000.000 đồng, bỏ ra 5.000.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại 22.000.000 cất trong người không dùng để đánh bạc. Nguyễn Văn N mang theo 1.400.000 đồng dùng để đánh bạc. Nguyễn Phi A mang theo số tiền 300.000 đồng để đánh bạc. Âu Văn T mang theo số tiền 17.300.000 đồng bỏ ra 400.000 đồng để đánh bạc, còn lại 16.900.000 đồng để trong người không dùng để đánh bạc. Liểu Văn P mang theo số tiền 5.500.000 đồng dùng để đánh bạc. Phạm Văn B mang theo số tiền 50.000, quá trình đánh có vay của N số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc. Nguyễn Văn V mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định số tiền 1.000.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn N, 5.500.000 đồng thu trên người Liểu Văn P, 100.000 đồng thu trên người Âu Văn D và 6.420.000 đồng thu trên chiếu bạc đều dùng vào mục đích đánh bạc. Căn cứ điểm a, b, khoản 3, điều 1, Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền các bị can đánh bạc trong vụ án được xác định là: 1.000.000 đồng + 5.500.000 đồng + 100.000 đồng + 6.420.000 đồng = 13.020.000 đồng.

Về cách thức và công cụ các bị can dùng để đánh bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị bằng tre một mặt được bôi đen. Khi chơi, D là người xóc cái, cho bốn quân vị đặt vào đĩa rồi úp bát lên, dùng hai tay giữ bát và đĩa rồi xóc đi, xóc lại các quân vị bên trong sau đó đặt đĩa xuống chiếu. Lúc này, những người tham gia đánh bạc bắt đầu thả tiền xuống chiếu để đặt cửa. Mức tiền đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng còn đặt cao hơn thì tùy ý, không quy định mức tối đa. Những người chơi quy định bên tay trái của người xóc cái tính là cửa lẻ, bên tay phải người xóc cái tính là cửa chẵn. Khi mở bát, nếu quân vị trên đĩa thể hiện là lẻ khi bốn quân vị có 01 quân mặt đen và 03 quân mặt trắng hoặc 01 quân mặt trắng và 03 quân mặt đen; nếu thể hiện là chẵn khi 04 quân vị có 02 quân mặt trắng và 02 quân mặt đen hoặc 04 quân mặt trắng hoặc 04 quân mặt đen. Sau khi những người tham gia đánh bạc đặt tiền cửa xong, người xóc cái mở bát, nếu quân vị thể hiện là lẻ thì những người đặt tiền vào bên lẻ thắng và được nhận thêm số tiền thắng bằng số tiền mà người chơi đã đặt cửa, những người đặt bên chẵn sẽ bị thua và mất số tiền đặt cửa. Ngược lại, nếu quân vị thể hiện là chẵn thì những người đặt tiền bên chẵn thắng và được tiền, người đặt tiền bên lẻ thua và bị mất số tiền đặt cửa.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị bằng tre một mặt bôi đen (kích thước 0,1 x 0,5 x 1,1)cm, 01 thanh tre một mặt bôi đen dài 3,5cm x rộng 1,1cm thanh tre dài 15,4cm rộng 1,1cm dày 0,1cm, 01 chiếu cói màu vàng (kích thước 1,4 x 1,9)m, 01 chiếu tre màu vàng (kích thước 1,4 x 1,7) m, 01 con dao quắm màu đen dài 40cm chuôi bằng gỗ, 01 chiếc điện thoại hiệu Sam sung J4 màu vàng, 01 chiếc điện thoại hiệu Land Rover màu đen, 01 chiếc điện thoại hiệu Nokia màu trắng màn hình bị vỡ, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu KiFuta- 110 BKS: 20M6- 5977 màu xanh, 01 chiếc điện thoại hiệu Goly màu bạc, 01 chiếc điện thoại hiệu OPPO A11 màu trắng, 01 chiếc điện thoại Sam sung J4 màu xanh màn hình bị nứt, Số tiền 51.920.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hiện toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản và lưu trữ tại kho vật chứng và tài khoản tiền gửi của Công an huyện Phú Bình chờ xử lý.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu trắng BKS: 20G1 – 029.44, 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave màu đen bạc BKS: 20G1- 267.98, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc BKS: 20G1- 332.62 đã được trả lại cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng trong quá trình điều tra vụ án.

- 01 chiếc điện thoại Sam sung Galaxi J6 màu đen, 01 chiếc điện thoại Gigi màu đen và số tiền 2.900.000 đồng được trả cho ông Phạm Văn C quản lý, sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave 110 màu xanh BKS: 20H7-0136 tạm giữ của Phạm Văn C, quá trình điều tra chưa xác định được số khung, số máy, cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiến hành trưng cầu giám định nhưng chưa có kết quả nên tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 127/CT-VKSPB ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V đều về tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình trình bầy lời luận tội và đề nghị với Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Âu Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V đều phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B. Xử phạt:

Nguyễn Văn N và Âu Văn D từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách thừ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn V. Xử phạt: Nguyễn Văn V từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015, phạt bổ sung các bị cáo Âu Văn D, Nguyễn Văn N, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng nộp sung quỹ nhà nước.

Đối với bị cáo Liểu Văn P đề nghị Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung, vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có: 01 (Một) bát sứ mầu trắng có hoa văn mầu đỏ, 01 (Một) đĩa sứ mầu trắng có nhiều họa tiết màu xanh, đỏ, vàng, 04 (Bốn) quân vị bằng tre một mặt đen, một mặt để mộc, kích thước mỗi quân vị 0,1 cm x 0,5 x 1,1 cm, 01 thanh tre bôi đen một mặt dài 3,5 cm, rộng 1,1 cm thanh tre dài 15,4 cm, rộng 1,1, dày 0,1 cm, 01 (Một) chiếu cói màu vàng, đỏ kích thước 1,4 x 1,9 m, 01 (Một) chiếu tre mầu vàng, kích thước 1,4 x 1,7 m đã bị rách cụt nhiều nan hai đầu, 01 (Một) con dao quắm, màu đen dài 40, có chuôi bằng gỗ dài 10 cm;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 13.020.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc;

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau:

+ Khoản tiền 22.000.000 đồng của Âu Văn D và 16.900.000 đồng của Âu Văn T;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng, số imel 75623 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn T;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Land Rover màu đen, số imel 69738 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động Nokia 3màu trắng, màn hình đã bị vỡ, số imel 94966 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động OPPO ALL màu trắng số imel 84038 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Phi A;

+ 01 điện thoại di động Goly màu bạc số imel 05856 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn N;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mầu xanh màn hình bị nứt số imel 02186 máy cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn B;

+ 01 (Một) xe moto nhãn hiệu KITAFU 110 màu xanh BKS 20M6–5977, xe có một gương chiếu hậu bên trái, phần đuôi xe bị vỡ, hai bên yếm vỡ nát, yên xe rách nát, bô xe bị thủng, phần nhựa đuôi xe bị vỡ, số máy FMH*007174, số khung PE8A007174, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra các bộ phận bên trong máy và săm lốp, xe của Âu Văn D.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, khi nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt quả tang, và các chứng cứ tài liệu thu thập trong vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 8 giờ ngày 27/5/2019, Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Liễu Văn P đến nhà chị Liễu Thị Thanh H để giúp chị H sửa nhà. Đến buổi trưa cùng ngày, D, N, P ăn cơm tại nhà chị H. Sau khi ăn cơm xong, chị H dắt trâu ra đồng thả còn D, N, P ngồi lên bàn uống nước. Tại đây, N đã rủ P và D đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì được P và D đồng ý. N đi xuống dưới bếp nhà chị H chuẩn bị bốn quân vị, lấy một bát sứ, một đĩa sứ rồi mang lên nhà để ở trên chiếu đã được trải từ khi ăn cơm trưa sau đó cả ba cùng ngồi xuống chiếu đánh bạc, D là người xóc cái. Đánh được một lúc thì lần lượt có Phạm Văn B, Nguyễn Phi A, Âu Văn T và Nguyễn Văn V đến và cùng ngồi tham gia đánh bạc. Khi tất cả đang ngồi sát phạt nhau đến khoảng gần 17 giờ cùng ngày thì bị Công an phát hiện. V nhanh chân chạy thoát, những người còn lại bị Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ số tiền dùng vào mục đích đánh bạc trong vụ án là 13.020.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo như nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V đều phạm vào tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Khung hình phạt mà các bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rõ việc đánh bạc trái phép là gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh các bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương xứng với từng hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, trong đó:

Mặc dù các bị cáo đều phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, đều nhất thời cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc, tuy nhiên mức độ thực hiện hành vi phạm tội khác nhau, bị cáo Nguyễn Văn N là người chuẩn bị công cụ phạm tội, còn bị cáo D là người xóc cái, do đó mức hình phạt đối với hai bị cáo phải cao hơn so với các bị cáo khác, tương ứng với mỗi bị cáo 12 tháng tù.

Đối với các bị cáo Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V là những người trực tiếp tham gia đánh bạc, vai trò thực hiện tội phạm ngang nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần có mức án tương ứng với mỗi bị cáo là 09 tháng tù.

Đồng thời, Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này toàn bộ các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B đều nhất thời thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết các ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta. Đồng thời, cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Nguyễn Văn V giữ vai trò đồng phạm thứ yếu, và là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, do đó không phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo không giam giữ, chung sống với gia đình như những người khác dưới sự giám sát của cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm mục đích thu lời bất chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo: Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo là 10 triệu đồng nộp sung công quỹ Nhà nước, theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Liểu Văn P, Hội đồng xét xử thấy gia đình bị cáo có chứng nhận thuộc diện hộ cận nghèo, do dó Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có: 01 (Một) bát sứ mầu trắng có hoa văn mầu đỏ; 01 (Một) đĩa sứ mầu trắng có nhiều họa tiết màu xanh, đỏ, vàng; 04 (Bốn) quân vị bằng tre một mặt đen, một mặt để mộc, kích thước mỗi vị 0,1 cm x 0,5 x 1,1 cm; 01 thanh tre bôi đen một mặt dài 3,5 cm, rộng 1,1 cm thanh tre dài 15,4 cm, rộng 1,1, dày 0,1 cm; 01 (Một) chiếu cói màu vàng, đỏ kích thước 1,4 x 1,9 m; 01 (Một) chiếu tre mầu vàng, kích thước 1,4 x 1,7 m đã bị rách cụt nhiều nan hai đầu; 01 (Một) con dao quắm, màu đen dài 40, có chuôi bằng gỗ dài 10 cm;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 13.020.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau:

+ Khoản tiền 22.000.000 đồng của Âu Văn D và 16.900.000 đồng của Âu Văn T.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng, số imel 75623 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn T;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Land Rover màu đen, số imel 69738 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động Nokia 3màu trắng, màn hình đã bị vỡ, số imel 94966 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động OPPO ALL màu trắng số imel 84038 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Phi A;

+ 01 điện thoại di động Goly màu bạc số imel 05856 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn N;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mầu xanh màn hình bị nứt số imel 02186 máu cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn B;

+ 01 (Một) xe moto nhãn hiệu KITAFU 110 màu xanh BKS 20M6–5977, xe có một gương chiếu hậu bên trái, phần đuôi xe bị vỡ, hai bên yếm vỡ nát, yên xe rách nát, bô xe bị thủng, phần nhựa đuôi xe bị vỡ, số máy FMH*007174, số khung PE8A007174, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra các bộ phận bên trong máy và săm lốp, xe của Âu Văn D.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 225 ngày 09/9/2019 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

[6]. Đối với những người có quyền lợi liên quan đến vụ án gồm anh Nguyễn Phi E, anh Liểu Văn G, Liểu Văn F, Nguyễn Minh K là những người có xe mô tô do các bị cáo mượn, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến tội phạm và đã trả lại cho những người này để quản lý sử dụng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa họ đều không có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7]. Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp cải tạo là phù hợp với quy định của Pháp luật, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Phạm Văn B.

- Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Liểu Văn P;

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn V;

- Điểm a khoản 1 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V đều phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt chính: Xử phạt

Nguyễn Văn N **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Âu Văn D **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Nguyễn Phi A **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Âu Văn T **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Liểu Văn P **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Phạm Văn B **09** (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 20/9/2019).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Gồm các bị cáo: Lê Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Nguyễn Văn V **09** (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn V có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Văn V.

3. Hình phạt bổ sung (phạt tiền):

Phạt tiền các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V, phần mỗi bị cáo là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp sung quỹ Nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Liểu Văn P.

4. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm có: 01 (Một) bát sứ mầu trắng có hoa văn mầu đỏ; 01 (Một) đĩa sứ mầu trắng có nhiều họa tiết màu xanh, đỏ, vàng; 04 (Bốn) quân vị bằng tre một mặt đen, một mặt để mộc, kích thước mỗi vị 0,1 cm x 0,5 x 1,1 cm; 01 thanh tre bôi đen một mặt dài 3,5 cm, rộng 1,1 cm thanh tre dài 15,4 cm, rộng 1,1, dày 0,1 cm; 01 (Một) chiếu cói màu vàng, đỏ kích thước 1,4 x 1,9 m; 01 (Một) chiếu tre mầu vàng, kích thước 1,4 x 1,7 m đã bị rách cụt nhiều nan hai đầu; 01 (Một) con dao quắm, màu đen dài 40, có chuôi bằng gỗ dài 10 cm;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 13.020.000 đồng (Mười ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tạm giữ tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án đối với các bị cáo sau:

+ Khoản tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) của Âu Văn D và 16.900.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng) của Âu Văn T.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mặt trước màu đen, mặt sau màu vàng, số imel 75623 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn T;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Land Rover màu đen, số imel 69738 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động Nokia 3màu trắng, màn hình đã bị vỡ, số imel 94966 máy cũ đã qua sử dụng của Âu Văn D;

+ 01 điện thoại di động OPPO ALL màu trắng số imel 84038 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Phi A;

+ 01 điện thoại di động Goly màu bạc số imel 05856 máy cũ đã qua sử dụng của Nguyễn Văn N;

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung J4 mầu xanh màn hình bị nứt số imel 02186 máu cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn B;

+ 01 (Một) xe moto nhãn hiệu KITAFU 110 màu xanh BKS 20M6–5977, xe có một gương chiếu hậu bên trái, phần đuôi xe bị vỡ, hai bên yếm vỡ nát, yên xe rách nát, bô xe bị thủng, phần nhựa đuôi xe bị vỡ, số máy FMH*007174, số khung PE8A007174, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra các bộ phận bên trong máy và săm lốp, xe của Âu Văn D.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp sung quỹ Nhà nước.

6. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo (Nguyễn Văn N, Âu Văn D, Nguyễn Phi A, Âu Văn T, Liểu Văn P, Phạm Văn B và Nguyễn Văn V); Có mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (gồm: Nguyễn Phi E, Liểu Văn G, Liểu Văn F). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Nguyễn Minh K, báo cho anh K biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Các Bị cáo; Người có QL,NVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ích Yên